CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Dược phẩm Hà Tây

Ngày 30/06/2025	82,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.2%	**-5.3%**	**-**

DT thuần
Q2/25
574
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 78.0| 15.8%
YoY: ▲ 80.0| 16.3%

LN thuần
Q2/25
12.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.8| -52.3%
YoY: ▼6.70| -34.6%

LN sau thuế
Q2/25
13.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.5| -43.9%
YoY: ▼5.00| -27.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
3.4%
YoY: +/-▼ 3.2%

ROE (TTM)
Q2/25
6.8%
YoY: +/-▼ 0.6%

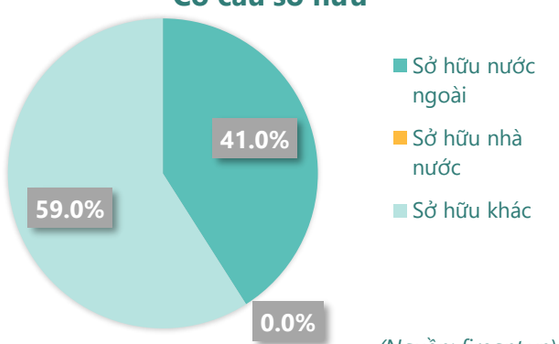
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	52,126 - 108,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,752
Số lượng CPLH (CP)	82,340,260
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,350
Sở hữu nước ngoài	41.0%
Beta	0.53
EPS	886
P/E	92.6

DT thuần
6T 2025
1,070
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 71.0| 7.1%

LN thuần
6T 2025
38.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.90| 8.2%

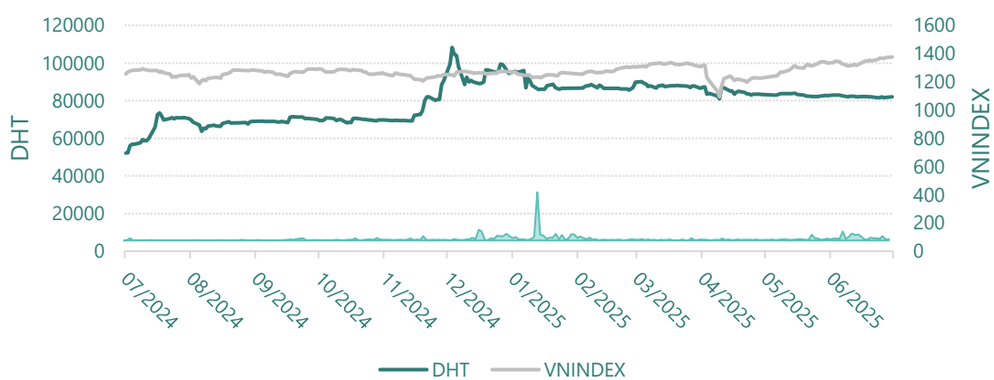
LN sau thuế
6T 2025
37.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.70| 7.9%

Cơ cấu sở hữu

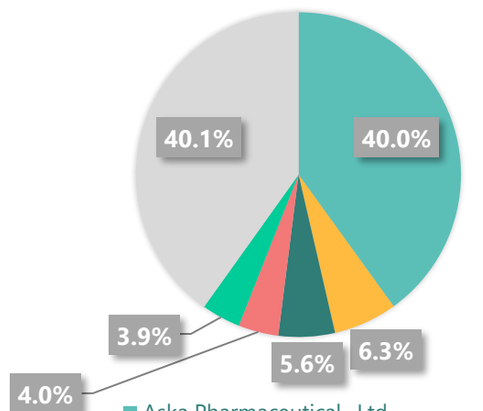


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



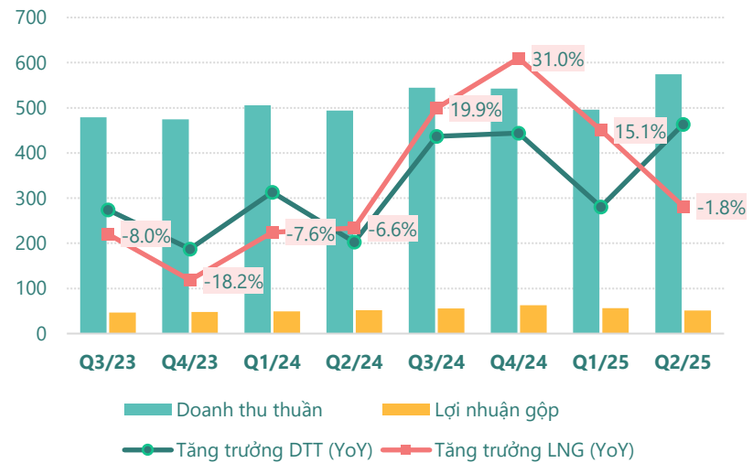
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

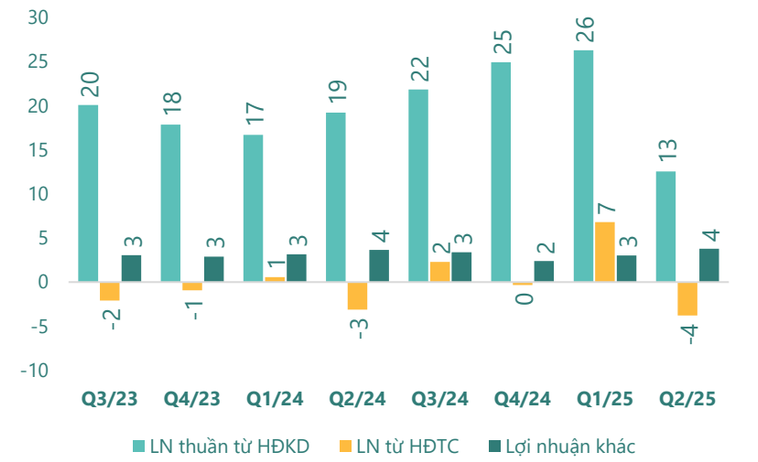
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



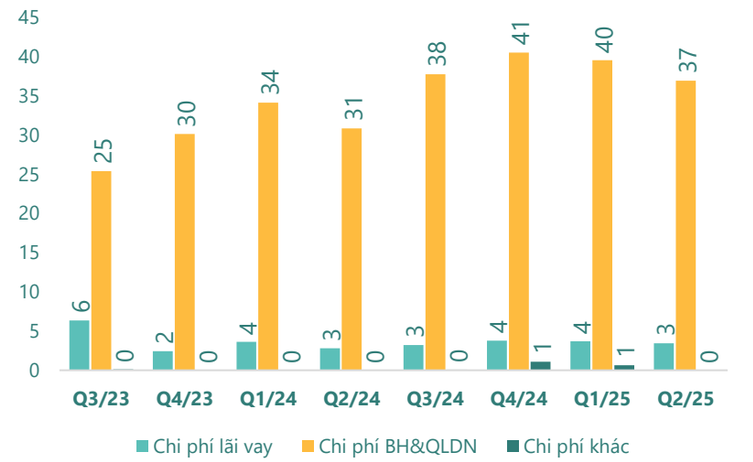
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



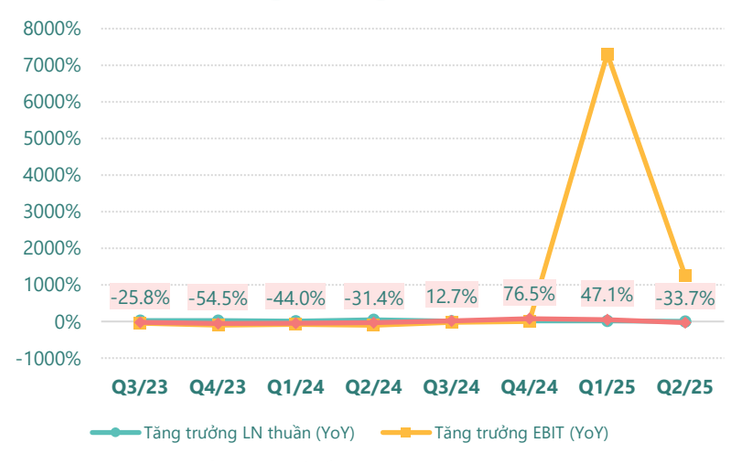
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



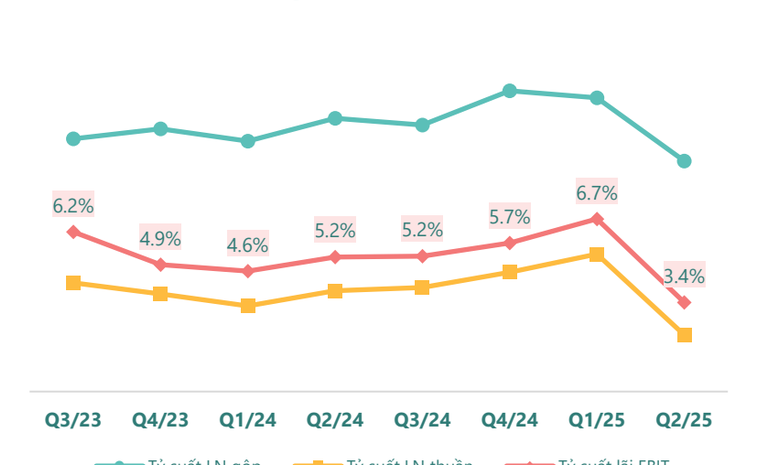
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



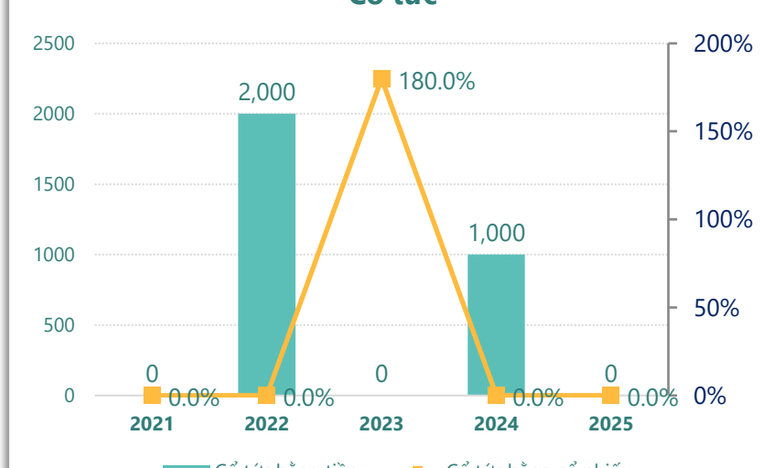
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

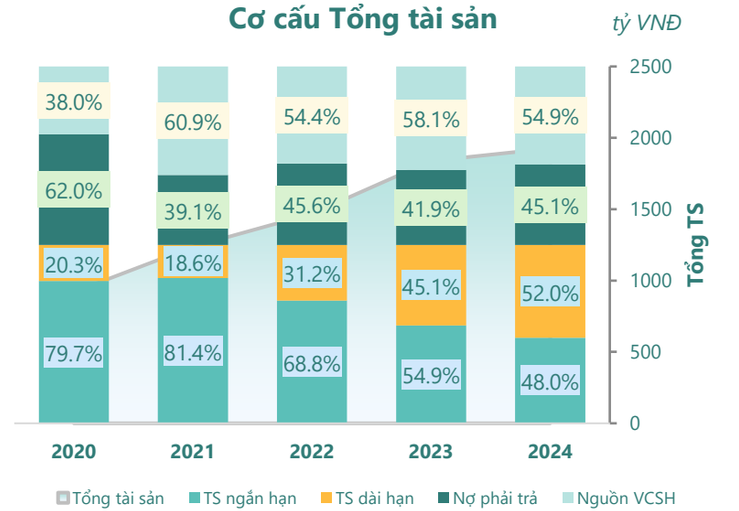
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

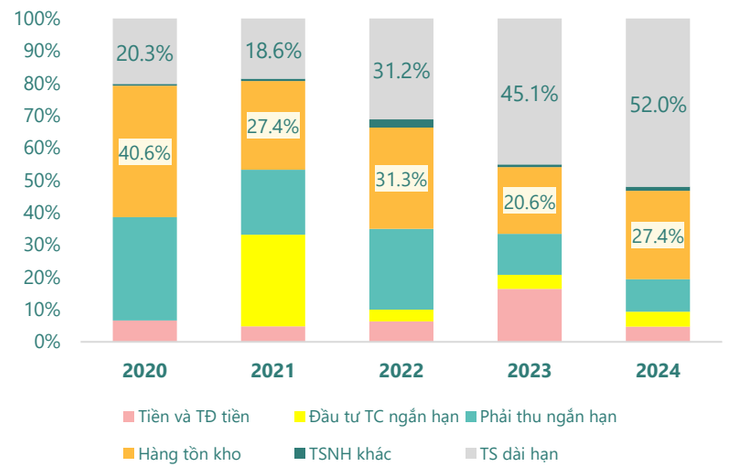
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



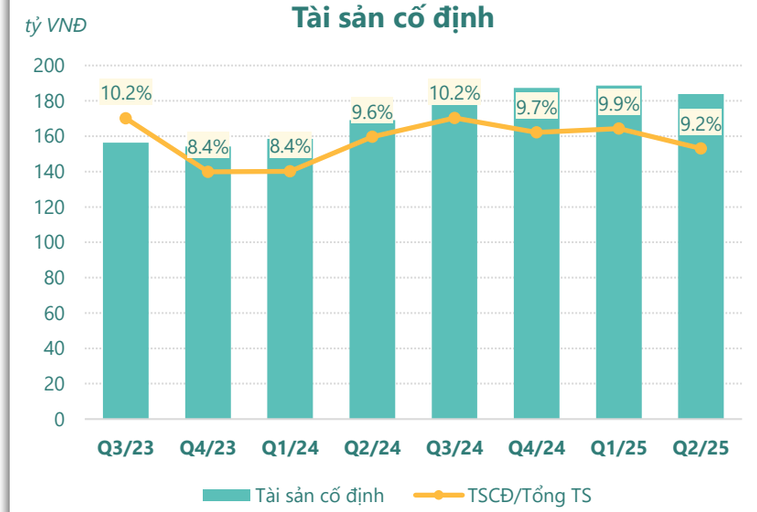
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



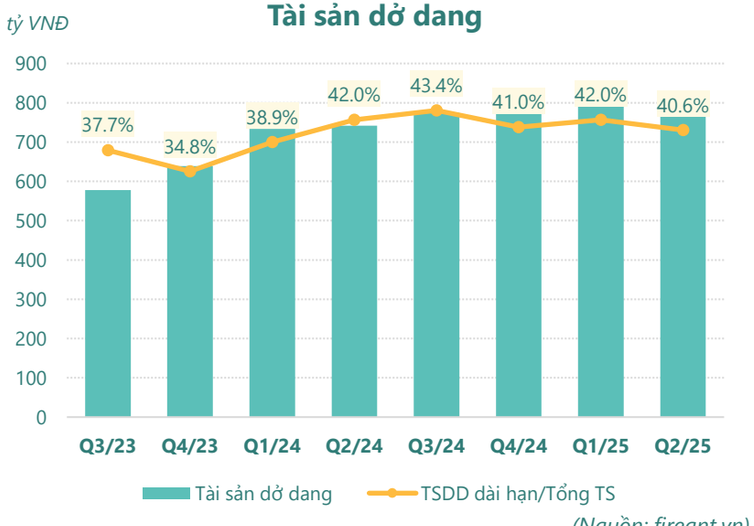
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



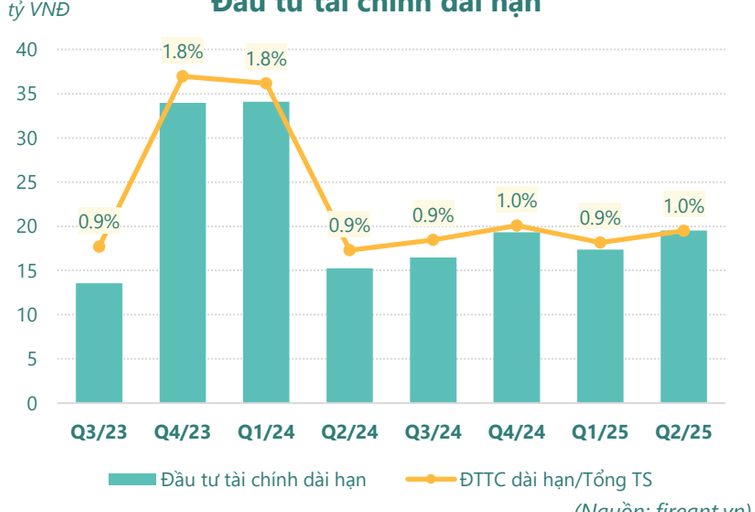
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



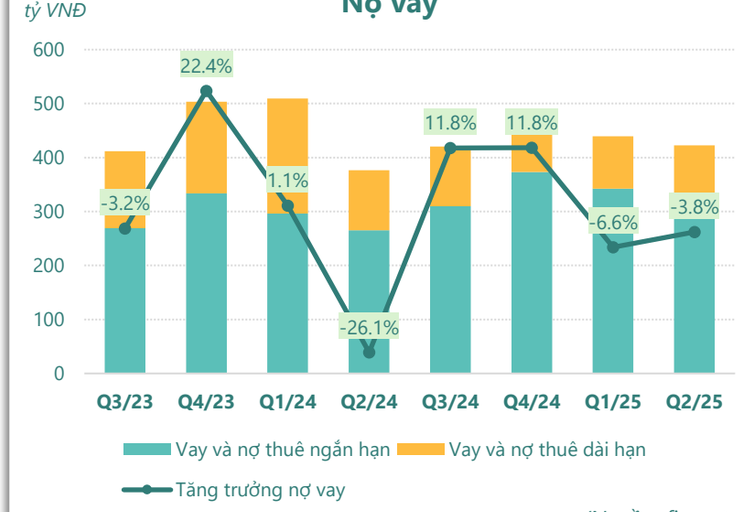
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

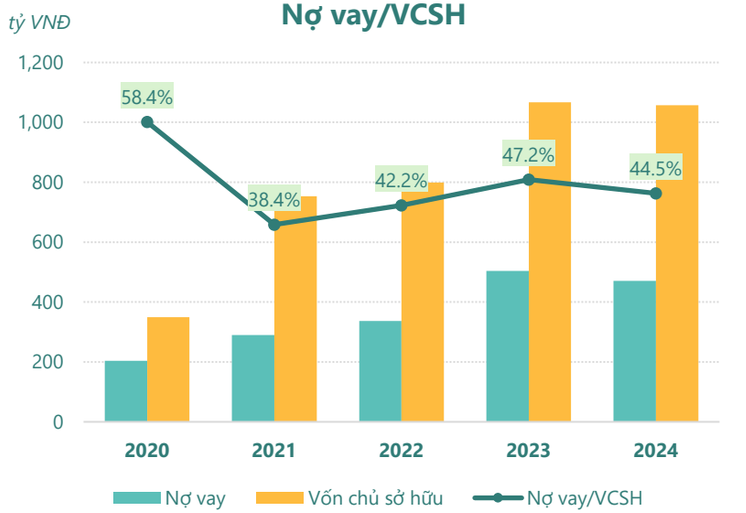
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

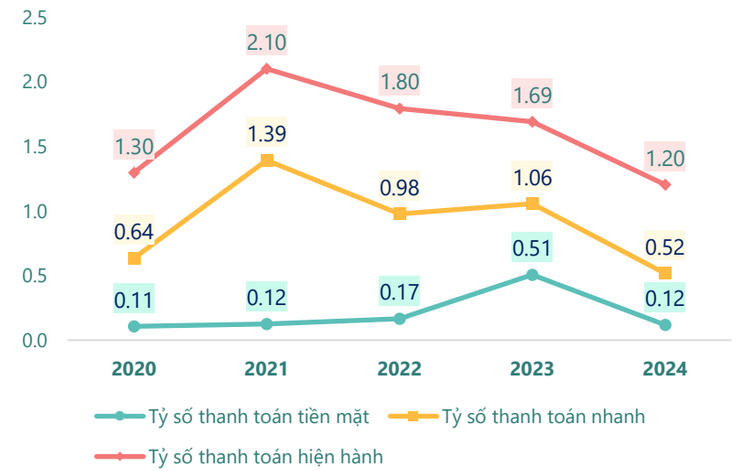
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



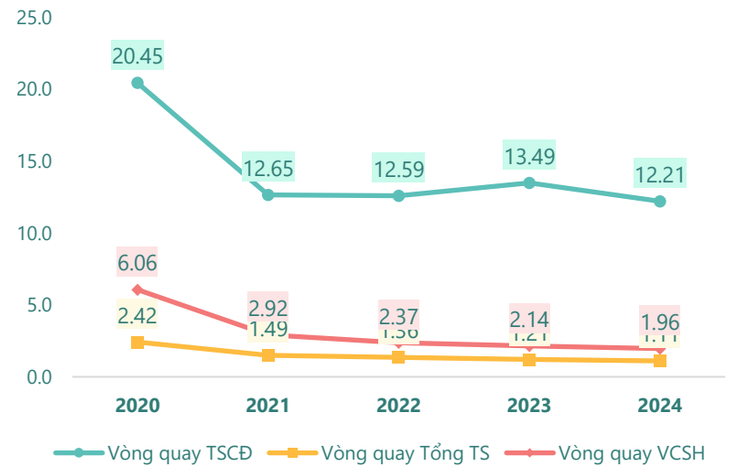
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



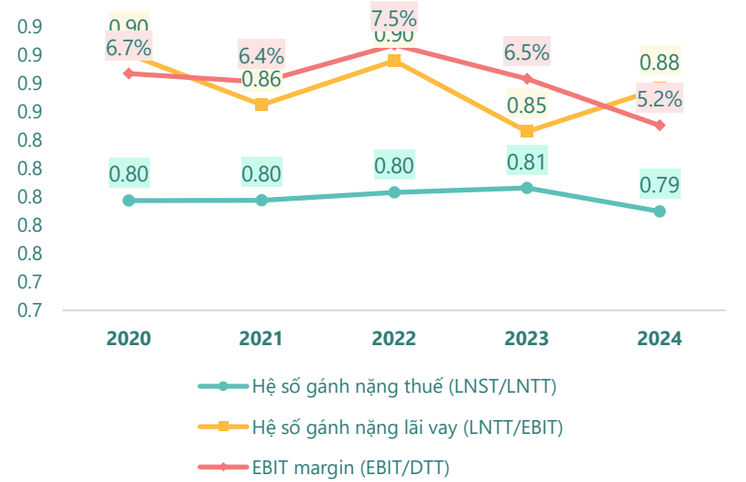
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



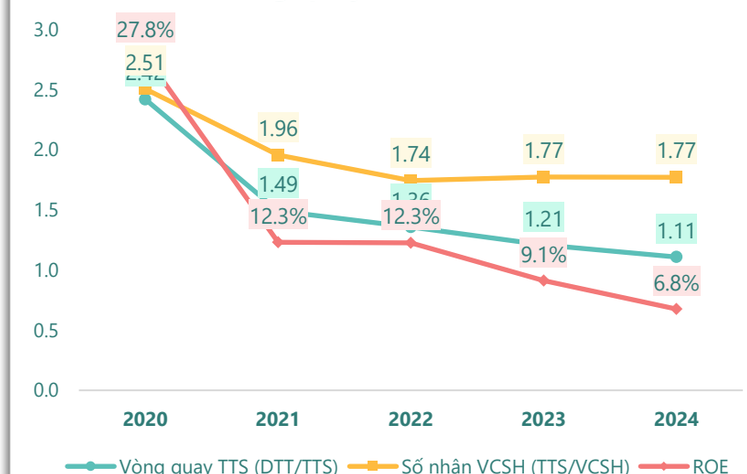
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



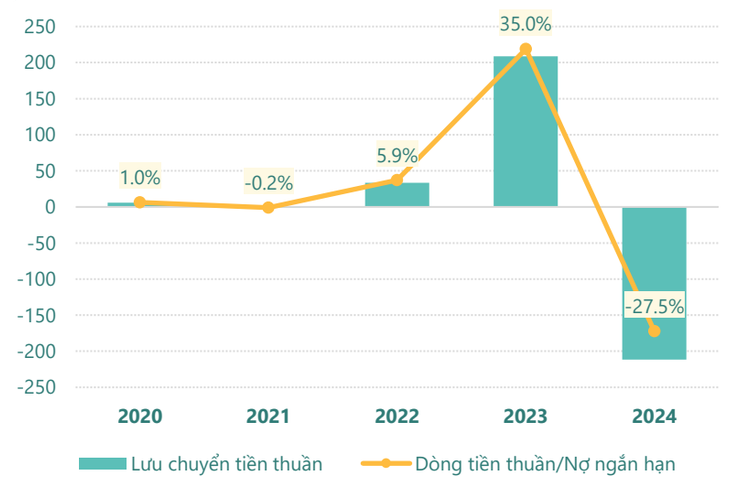
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**574**	**494**	**16.3%**	**1,070**	**999**	**7.1%**
Giá vốn hàng bán	523	442	18.4%	963	899	7.2%
Lợi nhuận gộp	51.1	52.0	-1.7%	107	101	6.4%
Doanh thu HĐTC	5.66	3.79	49.4%	16.3	9.17	77.4%
Chi phí TC	9.45	6.92	36.5%	13.2	11.7	13.0%
Chi phí lãi vay	3.43	2.79	22.9%	7.13	6.43	10.9%
LN trong công ty LKLD	**2.16**	**1.17**	**84.3%**	**4.99**	**2.58**	**93.5%**
Chi phí bán hàng	8.43	5.90	42.9%	15.7	15.6	0.8%
Chi phí QLDN	**28.5**	**25.0**	**14.0%**	**60.8**	**49.4**	**23.0%**
LN thuần từ HĐKD	12.5	19.2	-34.6%	38.8	35.9	8.2%
Lợi nhuận khác	**3.79**	**3.64**	**4.1%**	**6.82**	**6.79**	**0.5%**
LN trước thuế	16.3	22.8	-28.3%	45.7	42.7	7.0%
Lợi nhuận sau thuế	**13.4**	**18.4**	**-27.1%**	**37.3**	**34.6**	**7.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**13.2**	**18.7**	**-29.5%**	**34.5**	**33.3**	**3.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	92.6	-36.7	58.4	-12.7	63.9	59.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-156	49.1	-95.9	4.09	-59.4	50.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-41.9	-127	44.2	9.59	-31.0	-16.6
Tiền đầu kỳ	302	197	82.5	89.3	90.3	63.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-105**	**-114**	**6.75**	**1.01**	**-26.5**	**93.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	-0.01	0	0.00
Tiền cuối kỳ	197	82.5	89.3	90.3	63.8	157

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,003**	**1,926**	**4.0%**
Tài sản ngắn hạn	983	925	6.3%
Tiền và tương đương tiền	157	90.3	74.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.0	90.0	-22.2%
Phải thu ngắn hạn	200	192	4.0%
Hàng tồn kho	552	528	4.5%
Tài sản ngắn hạn khác	4.24	24.3	-82.5%
Tài sản dài hạn	**1,020**	**1,001**	**1.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	184	187	-1.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	813	790	2.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	19.5	19.3	1.0%
Tài sản dài hạn khác	**4.37**	**4.63**	**-5.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	911	870	4.8%
Nợ ngắn hạn	**809**	**768**	**5.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	326	373	-12.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	305	235	29.9%
Nợ dài hạn	102	102	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	96.9	96.9	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,093**	**1,057**	**3.4%**
Vốn chủ sở hữu	**1,093**	**1,057**	**3.4%**
Vốn điều lệ	823	823	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)